

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc
ngày 30 tháng 06 năm 2017

Số 7, Đường Quang Trung, TP. Vinh, Tỉnh Nghệ An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	431.887.667	442.125.903
Tiền gửi ngân hàng	350.181.049	342.082.992
Cộng	782.068.716	784.208.895

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty Cổ phần Xi măng Sông Lam 2	9.407.182.056	9.407.182.056
Ban điều hành dự án Thủy điện Hòa Na- Công ty CP Thủy Điện Hòa Na	1.044.765.409	2.650.762.148
Tiền Bán Nhà Chung Cư toà nhà Dầu khí	2.250.592.977	2.250.592.977
Công ty CP Xây dựng Công Nghiệp và Dân Dụng Dầu Khí	2.106.049.522	2.106.049.522
Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	29.975.780.126	35.643.091.163
Cộng	44.784.370.090	52.057.677.866

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty TNHH Xây dựng Thanh Sơn	2.119.354.500	2.427.354.500
Tổng công ty CP Xây lắp Dầu Khí Việt Nam	2.249.833.999	2.249.833.999
Trung tâm Công nghệ ĐT và HT việc làm - Đại học Quốc gia Hà Nội	1.691.669.667	1.691.669.667
Công ty CP Xây dựng & Đầu tư Phát triển Hạ tầng số 6	1.279.356.479	1.279.356.479
Công ty CP Đầu tư Xây lắp dầu khí số 1	1.000.000.000	1.000.000.000
Các khoản trả trước cho người bán khác	31.443.991.307	27.590.911.778
Cộng	39.784.205.952	36.239.126.423

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

4. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu Khí số 1 Nghệ An (*)	5.153.069.383	7.053.069.383
Công ty CP Khoáng sản Xây dựng Dầu khí Nghệ An (*)	18.029.000.000	18.029.000.000
Công ty CP Xây dựng Hạ tầng Dầu khí Nghệ An (*)	4.208.088.307	4.208.088.307
Công ty CP PVLAND (*)	2.465.823.499	2.465.823.499
Cho vay các đối tượng khác (*)	5.744.649.775	5.744.649.775
Cộng	35.600.630.964	37.500.630.964

(*) Các khoản tiền vay ngắn hạn các Công ty và cá nhân với thời gian dưới 12 tháng và lãi suất cho vay dựa trên lãi suất thị trường tại từng thời điểm vay.

5. Phải thu khác

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Tạm ứng	10.682.127.942	10.701.227.942
Phải thu các nhà thầu phụ dự án KCN Hoàng Mai	83.841.480.132	83.841.480.132
Các khoản ứng trước, chỉ hộ đơn vị thi công	115.428.525.863	122.597.311.127
Phải thu về chuyển nhượng CP	38.174.516.000	32.707.978.000
Cách khoản phải thu khác	10.899.439.101	11.586.233.747
Cộng	259.026.089.038	261.434.230.948
b. Dài hạn		
Phải thu về bán CP	{i} 147.912.510.000	147.912.510.000
Cộng	147.912.510.000	147.912.510.000

{i} Trong năm 2015, Công ty bán cổ phần tại Công ty Cổ phần Xi măng Dầu khí Nghệ An (PX1) cho Công ty TNHH Tập đoàn Hoàng Phát Vissai. Tiền bán cổ phần được thanh toán trong vòng 15 năm, mỗi năm 12 kỳ, mỗi kỳ là 1 tháng, số tiền hàng kỳ là 986.083.000 đồng.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

6. Hàng tồn kho

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	3.027.353.894	-	3.032.682.378	-
Công cụ, dụng cụ	113.222.867	-	1.676.663.660	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	87.142.068.012	-	84.811.348.267	-
Thành phẩm nhập kho	1.597.332.798	-	1.597.332.798	-
Hàng hoá	2.991.767.878	-	2.991.767.878	-
Cộng	94.871.745.449	-	94.109.794.981	-

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại 01/01/2017	47.763.438.358	2.390.562.288	1.864.454.604	5.967.836.031	8.749.884.256	66.736.175.537
Tại 30/06/2017	47.763.438.358	2.390.562.288	1.864.454.604	5.967.836.031	8.749.884.256	66.736.175.537
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại 01/01/2017	18.424.438.534	2.132.084.769	1.337.770.103	4.746.306.847	6.501.639.037	33.142.239.290
Khấu hao trong năm	677.372.586	3.750.000	-	-	82.306.818	763.429.404
Tại 30/06/2017	19.101.811.120	2.135.834.769	1.337.770.103	4.746.306.847	6.583.945.855	33.905.668.694
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2017	29.338.999.824	258.477.519	526.684.501	1.221.529.184	2.248.245.219	33.593.936.247
Tại 30/06/2017	28.661.627.238	254.727.519	526.684.501	1.221.529.184	2.165.938.401	32.830.506.843

Số 7, Đường Quang Trung, TP. Vinh, Tỉnh Nghệ An

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc
ngày 30 tháng 06 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

8. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại 01/01/2017	1.509.038.220	1.509.038.220
Tại 30/06/2017	1.509.038.220	1.509.038.220
HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại 01/01/2017	1.502.483.308	1.502.483.308
Tại 30/06/2017	1.502.483.308	1.502.483.308
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2017	6.554.912	6.554.912
Tại 30/06/2017	6.554.912	6.554.912

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Dự án khu nhà ở tại Thị trấn Quỳnh Hợp	1.015.007.615	1.015.007.615
Xây dựng cơ bản khác	656.226.295	656.226.295
Cộng	1.671.233.910	1.671.233.910

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

10. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	30/06/2017		01/01/2017	
	Số lượng cổ phần	Giá trị VND	Số lượng cổ phần	Giá trị VND
Công ty liên kết				
Công ty CP Đầu tư Đô thị Dầu khí Cửa Lò	127.488	1.274.875.901	127.488	1.274.875.901
Công ty liên doanh				
Công ty CP Đầu tư Đô thị Dầu khí Quang Trung	-	10.500.019.800	-	10.500.019.800
Cộng		11.774.895.701		11.774.895.701

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn vào Công ty liên doanh, liên kết để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

11. Lợi thế thương mại

	VND
Nguyên giá	
Tại ngày 01/01/2017	23.628.991.472
Giảm do bán công ty con	-
Tại ngày 30/06/2017	23.628.991.472
Hao mòn	
Tại ngày 01/01/2017	16.188.787.109
Khấu hao trong năm	1.181.449.574
Tại ngày 30/06/2017	17.370.236.683
Giá trị còn lại	
Tại ngày 01/01/2017	7.440.204.363
Tại ngày 30/06/2017	6.258.754.789

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ (*) VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ (*) VND
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty CP Thiết bị Phụ tùng	34.406.131.250	-	34.406.131.250	-
Công ty CP Thi công cơ giới và Lắp máy dầu khí	12.095.878.785	-	12.095.878.785	-
Công ty CP Đầu Tư Xây lắp Dầu Khí Số 1	7.649.662.950	-	7.163.233.650	-
Công ty CP Đầu tư Xây dựng E CON	6.048.450.498	-	6.048.450.498	-
Công ty CP ĐT Xây dựng Bạch Đằng TMC	4.797.481.588	-	4.069.236.874	-
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền trung	4.211.247.736	-	4.211.247.736	-
BĐHDA Thủy điện Hòa Na	3.353.596.089	-	3.360.596.089	-
Phải trả nhà cung cấp khác	71.952.100.466	-	72.932.706.409	-
Cộng	144.514.549.362	-	144.287.481.291	-
b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán				
Công ty CP Thiết bị Phụ tùng	34.406.131.250	-	34.406.131.250	-
Công ty CP Thi công cơ giới và Lắp máy dầu khí	12.095.878.785	-	12.095.878.785	-
Công ty CP Đầu Tư Xây lắp Dầu Khí Số 1	7.649.662.950	-	6.048.450.498	-
Công ty CP Đầu tư Xây dựng E CON	6.048.450.498	-	4.211.247.736	-
Công ty CP ĐT Xây dựng Bạch Đằng TMC	4.797.481.588	-	5.755.894.698	-
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền trung	4.211.247.736	-	4.069.236.874	-
BĐHDA Thủy điện Hòa Na	3.353.596.089	-	3.360.596.089	-
Phải trả nhà cung cấp khác	71.725.032.395	-	31.016.386.652	-
Cộng	144.287.481.291	-	100.963.822.582	-

(*) Tình hình tài chính của Công ty đang gặp khó khăn, không phát sinh doanh thu, lỗ lũy kế lớn và âm vốn điều lệ. Do đó, chúng tôi không thể đánh giá được khả năng thanh toán các khoản nợ của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY XÂY LẬP DẦU KHÍ NGHỆ AN

Số 7, Đường Quang Trung, TP. Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MÀU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/06/2017	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	01/01/2017
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	4.683.712.479	16.197.302	390.900.000	5.058.415.177
Thuế thu nhập doanh nghiệp	316.286.835	-	-	316.286.835
Thuế thu nhập cá nhân	179.787.926	-	-	179.787.926
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	2.811.354.500	263.224.500	-	2.548.130.000
Thuế bảo vệ môi trường	9.141.000	13.000.000	25.000.000	21.141.000
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	10.090.264.335	155.112.885	-	9.935.151.450
Cộng	18.090.650.575	447.534.687	415.846.000	18.058.961.888

Số 7, Đường Quang Trung, TP. Vinh, Tỉnh Nghệ An

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc
ngày 30 tháng 06 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09a-DN/HN
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
BQLDL Dầu khí Vũng Áng Quảng Trạch	47.884.299.748	47.884.299.748
Công ty CP Xi măng Sông Lam 2	36.414.704.400	36.414.704.400
Trường ĐH Vinh	3.113.866.000	3.113.866.000
Công ty CP Khoáng sản Xây dựng Dầu khí NA	2.950.000.000	2.950.000.000
Các khoản người mua trả tiền trước khác	45.959.024.724	47.464.324.724
Cộng	136.321.894.872	137.827.194.872

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Trích trước chi phí sản xuất kinh doanh	6.277.673.317	6.277.673.317
Chi phí lãi vay	24.055.150.647	24.055.150.647
Cộng	30.332.823.964	30.332.823.964

16. Phải trả khác

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	150.156.978	391.638.846
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, bảo hiểm TN	12.741.171.099	12.124.647.391
Các khoản phải trả, phải nộp khác	92.074.826.991	91.290.972.087
- Phải trả về mua cổ phần	23.665.992.000	23.665.992.000
- Phải trả các khoản chi hộ	57.174.049.059	56.738.620.960
- Các khoản phải trả khác	11.234.785.932	10.886.359.127
Cộng	104.966.155.068	103.807.258.324
b. Dài hạn		
Phải trả về mua cổ phần	143.933.320.410	143.933.320.410
IDICO Long Sơn	6.145.108.000	5.919.758.444
Kinh phí đào tạo	5.950.696.918	5.950.696.918
Phải trả dài hạn khác	632.996.470	632.996.470
Cộng	156.662.121.798	156.436.772.242
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán		
Phải trả các khoản chi hộ	52.063.942.111	52.063.942.111
Các khoản phải trả khác	1.898.342.097	1.898.342.097
Cộng	53.962.284.208	53.962.284.208

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

17. Vay và nợ ngắn hạn

	30/06/2017		Trong kỳ		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả
	VND	năng trả nợ VND	VND	VND	VND	năng trả nợ VND
Ngân hàng TMCP Đại Dương - CN Vinh	3.647.073.924	3.647.073.924	-	-	3.647.073.924	3.647.073.924
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bắc Nghệ An	9.266.784.613	9.266.784.613	-	-	9.266.784.613	9.266.784.613
Tổng công ty CP Xây lắp Dầu Khí Việt Nam	22.398.289.333	22.398.289.333	-	225.349.556	22.623.638.889	22.623.638.889
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - chi nhánh Thanh Hóa	2.939.354.716	2.939.354.716	-	-	2.939.354.716	2.939.354.716
Vay cá nhân	35.408.048.789	35.408.048.789	120.903.000	4.713.874.754	40.001.020.543	40.001.020.543
Cộng	73.659.551.375	73.659.551.375	120.903.000	4.939.224.310	78.477.872.685	78.477.872.685

18. Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2016	218.460.000.000	5.000.000.000	380.952.382	23.453.682.587	(250.197.223.796)	2.471.340.480	(431.248.347)
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	(28.629.601.140)	-	(28.629.601.140)
Số dư tại ngày 31/12/2016	218.460.000.000	5.000.000.000	380.952.382	23.453.682.587	(278.826.824.936)	2.471.340.480	(29.060.849.487)
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	(3.069.942.227)	-	(3.069.942.227)
Số dư tại ngày 30/06/2017	218.460.000.000	5.000.000.000	380.952.382	23.453.682.587	(281.896.767.163)	2.471.340.480	(32.130.791.714)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

19. Bộ phận theo khu vực địa lý và bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Công ty có trụ sở đặt tại Tòa nhà Dầu khí, số 07 Quang Trung, thành phố Vinh, Nghệ An. Đồng thời, Công ty có các công ty con đặt trụ sở tại Nghệ An và Hà Tĩnh. Tuy nhiên, doanh thu hàng hóa và cung cấp dịch vụ phát sinh tại Hà Tĩnh không phát sinh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty trong kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017. Do đó, Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đề phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 3 bộ phận hoạt động - Bộ phận bất động sản, Bộ phận xây lắp và bộ phận bán hàng và cung cấp dịch vụ. Công ty lập báo cáo bộ phận theo ba bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của ba bộ phận kinh doanh trên như sau:

Bộ phận bất động sản: bán căn hộ ở chung cư cao tầng và nhà ở liền kề;
Bộ phận xây dựng: xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp;
Bộ phận khác là hoạt động cho thuê văn phòng, kinh doanh khách sạn

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

20. Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)

Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

	Hoạt động Bất động sản VND	Hoạt động Xây dựng VND	Hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
Tài sản					
Tài sản bộ phận	4.663.001.788	277.908.611.900	41.475.120.347	(13.242.977.862)	310.803.756.173
Tài sản không phân bổ					364.633.906.583
Tổng tài sản hợp nhất	4.663.001.788	277.908.611.900	41.475.120.347	(13.242.977.862)	675.437.662.756
Nợ phải trả					
Nợ phải trả bộ phận	-	312.224.588.082	10.278.685.729	(13.079.422.862)	309.423.850.949
Nợ phải trả không phân bổ					398.144.603.521
Tổng nợ phải trả	-	312.224.588.082	10.278.685.729	(13.079.422.862)	707.568.454.470

Bảng cân đối kế toán tại ngày 01 tháng 01 năm 2017

	Hoạt động Bất động sản VND	Hoạt động Xây dựng VND	Hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
Tài sản					
Tài sản bộ phận	4.663.001.788	282.019.576.400	41.086.035.822	(8.811.982.401)	318.956.631.609
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	364.633.906.583
Tổng tài sản hợp nhất	4.663.001.788	282.019.576.400	41.086.035.822	(85.923.766.216)	683.590.538.192
Nợ phải trả					
Nợ phải trả bộ phận	-	317.696.605.816	9.889.601.204	(13.079.422.862)	314.506.784.158
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	398.144.603.521
Tổng nợ phải trả hợp nhất	-	317.696.605.816	9.889.601.204	(13.079.422.862)	712.651.387.679

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****20. Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)****Kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017**

	Hoạt động Bất động sản VND	Hoạt động Xây dựng VND	Hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ					
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	-	-	274.978.117	-	274.978.117
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác					-
Tổng doanh thu	-	-	274.978.117	-	274.978.117
Chi phí phân bổ	-	-	274.989.143		274.989.143
Kết quả hoạt động kinh doanh					-
Kết quả kinh doanh bộ phận	-	-	(11.026)	-	(11.026)
Chi phí không phân bổ					2.666.640.688
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					(2.666.651.714)
Doanh thu từ các khoản đầu tư					114.318
Lãi khác					42.558.000
Chi phí tài chính					445.962.831
Lợi nhuận trước thuế					(3.069.942.227)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					-
Lỗ trong kỳ					(3.069.942.227)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****20. Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)**

Kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

	Hoạt động Bất động sản VND	Hoạt động xây dựng VND	Hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu					
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	-	-	511.819.977	-	511.819.977
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác					-
Tổng doanh thu	-	-	511.819.977	-	511.819.977
Chi phí phân bổ	-	-	406.979.018	-	406.979.018
Kết quả hoạt động kinh doanh					
Kết quả kinh doanh bộ phận	-	-	104.840.959	-	104.840.959
Chi phí không phân bổ					5.094.932.831
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					(4.990.091.872)
Doanh thu từ các khoản đầu tư					1.148.877
Lỗ khác					698.081.546
Chi phí tài chính					318.288.233
Lợi nhuận trước thuế					(4.609.149.682)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					-
Lỗ trong năm					(4.609.149.682)

Số 7, Đường Quang Trung, TP. Vinh, Tỉnh Nghệ An

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc
ngày 30 tháng 06 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	274.978.117	511.819.977
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	274.978.117	511.819.977
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	274.978.117	511.819.977

2. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Giá vốn bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	274.989.143	406.979.018
Cộng	274.989.143	406.979.018

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	114.318	1.148.877
Cộng	114.318	1.148.877

4. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Chi phí lãi vay	445.962.831	318.288.233
Cộng	445.962.831	318.288.233

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.115.733.479	1.319.394.585
Khấu hao tài sản cố định	-	708.749.516
Thuế, phí, lệ phí	5.000.000	5.000.000
Phân bổ lợi thuế thương mại	1.181.449.574	1.181.449.573
Chi phí dự phòng	-	1.300.000.000
Dịch vụ mua ngoài	92.862.072	-
Chi phí bằng tiền khác	271.595.563	580.339.157
Cộng	2.666.640.688	5.094.932.831

6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	(3.069.942.227)	(4.609.149.682)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Trừ: Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính	-	-
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(3.069.942.227)	(4.609.149.682)
Cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	21.846.000	21.846.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(141)	(211)
Mệnh giá cổ phiếu	10.000	10.000

7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Chi phí nhân công	1.115.733.479	1.319.394.585
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	708.749.516
Chi phí dịch vụ mua ngoài	367.851.215	406.979.018
Chi phí khác bằng tiền	271.595.563	580.339.157
Cộng	1.755.180.257	3.015.462.276

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với bên liên quan

Trong năm, Công ty không phát sinh các giao dịch với các công ty liên kết.

Thu nhập và các khoản vay của Ban Giám đốc

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Lương và Thù lao Hội đồng quản trị	86.432.086	267.535.868
Cộng	86.432.086	267.535.868

2. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Theo Nghị quyết số 25/NQ-PVNC ngày 25 tháng 07 năm 2017 của Hội đồng quản trị về việc thoái vốn tại Công ty Cổ phần Đầu tư đô thị Dầu khí Quang Trung. Đối tác chuyển nhượng cổ phần là ông Nguyễn Đức Tiến, số lượng cổ phần chuyển nhượng là 1.050.000 cổ phần, giá chuyển nhượng 13.900 đồng/cổ phần, tổng giá trị chuyển nhượng là 14.595.000.000 đồng.

3. Điều chỉnh hồi tố

Căn cứ Biên bản làm việc giữa Công ty với Cơ quan điều tra - Bộ Công An (C46) ngày 20 tháng 07 năm 2017. Cơ quan điều tra đã yêu cầu loại trừ doanh thu từ công trình hạ tầng khu công nghiệp Hoàng Mai và trích lập bổ sung dự phòng đầu tư tài chính vào Công ty con. Ngày 21 tháng 07 năm 2017, Hội đồng quản trị Công ty ra nghị quyết số 24/NQ-PVNC yêu cầu các phòng ban thực hiện loại trừ doanh thu từ công trình hạ tầng khu công nghiệp Hoàng Mai và trích lập bổ sung dự phòng đầu tư tài chính vào Công ty con.

Theo đó, Công ty thực hiện điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính năm 2016, cụ thể như sau:

Khoản mục báo cáo	Ảnh hưởng của sai sót đến Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016
Phải thu ngắn hạn khác giảm	65.542.175.250
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay giảm	65.542.175.250

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 trước và sau điều chỉnh thay đổi các chỉ tiêu sau:

TÀI SẢN	Mã số	31/12/2016 trước điều chỉnh	31/12/2016 sau điều chỉnh
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	519.864.247.047	454.322.071.797
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	434.253.401.037	368.711.225.787
5. Phải thu ngắn hạn khác	136	324.868.888.357	259.326.713.107
NGUỒN VỐN			
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	50.615.297.611	(14.926.877.639)
I. Vốn chủ sở hữu	410	50.615.297.611	(14.926.877.639)
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(196.679.337.358)	(262.221.512.608)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc
ngày 30 tháng 06 năm 2017

Số 7, Đường Quang Trung, TP. Vinh, Tỉnh Nghệ An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

VIII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ là số liệu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 đã được soát xét.



Nguyễn Ngọc Băng
Tổng Giám đốc
Ngày 30 tháng 08 năm 2017

Nguyễn Văn Phúc
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Phúc
Người lập